TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – Đ** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67 /2026/DS-ST
Ngày: 22-7-2026
V/v Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Bạc Thị Liên

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Định

Ông Phan Ích Rồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Đặng Phương Linh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Điện Biên tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 07 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1- Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 223/2026/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 05 năm 2026 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2026/QĐXX-ST ngày 19 tháng 06 năm 2026; Quyết định hoãn phiên toà số 61/2026/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 07 năm 2026

- **Nguyên đơn:** Bà Lò Thị Y - Sinh năm: 1982; Nơi ĐKHKTT: Bản Co Hắm, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; Chỗ ở hiện nay: Bản Cáy, xá Nà Tấu, tỉnh Điện Biên. Có mặt

- **Bị đơn:** Ông Lường Văn Y - Sinh năm: 1981; Địa chỉ: Bản Co Hắm, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 03/4/2026 và các bản tự khai biên bản lấy lời khai tại Tòa án nhân dân khu vực 1- Điện Biên, Bà Lò Thị Yên (nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và ông Lường Văn Y chung sống với nhau từ năm 2000 theo phong tục và có đăng ký kết hôn năm 2002 tại UBND xã M, huyện Tuần G, tỉnh L, (nay là xã N, tỉnh Đ). Trước khi lấy nhau hai bên tự tìm hiểu, tự nguyện

chung sống. Sau khi cưới tôi và ông Y sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn do tôi phát hiện ra anh Yêu bị nghiện ma tuý từ trước khi lấy tôi. Năm 2003 tôi biết anh Y sử dụng ma tuý và khuyên bảo nhưng anh Yêu không nghe, cũng không chịu đi đăng ký cai nghiện. Anh Y không tu chí làm ăn bất đồng quan điểm sống còn bán tài sản của tôi để phục vụ cho nhu cầu sử dụng ma tuý, tôi và gia đình khuyên bảo anh còn đánh đập bạo hành tôi cụ thể vào năm 2005 khi tôi sinh cháu Thoại được 5 tháng anh đuổi đánh dùng dao chém tôi phải nhập viện khâu 7 mũi. Còn lần gần đây nhất anh chém vào mặt trúng cằm tôi phải đi khâu. Tổ hoà giải thôn bản đã hoà giải nhiều lần nhưng anh Yêu không thay đổi. Tình cảm không còn tôi không thể chung sống và chịu đựng anh Yêu được nữa.

Vì vậy, tôi làm đơn này đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 1- Điện Biên giải quyết việc ly hôn giữa tôi và ông Lường Văn Y

2. Về con chung: Chúng tôi có 03 người con chung là các cháu: Lường Thị T, sinh năm 2003; Lường Văn Ng sinh năm 2004; Lường Văn Ng sinh năm 2006. Đối với vấn đề con chung do các cháu đã trưởng thành và có khả năng lao động nên tôi không yêu cầu tòa án giải quyết.

3. Về tài sản và nợ: Không yêu cầu Toà án giải quyết

Đối với bị đơn: Ngày 20/5/2026, sau khi thụ lý vụ án Toà án nhân dân khu vực 1 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên đã thông báo nội dung đơn xin ly hôn với các yêu cầu cụ thể của bà Y cho ông Y biết và tiến hành niêm yết tại địa phương để đảm bảo quyền lợi của ông Yêu cũng như để giải quyết việc bà Y xin ly hôn đối với ông Y. Tòa án tiến hành niêm yết thông báo việc kiểm tra phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ. Ra quyết định xét xử niêm yết các văn bản của Tòa và hoãn phiên Tòa sau đó niêm yết quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Lường Văn Y đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do chính đáng căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227/BLTTDS, HĐXX vẫn tiến hành xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Lò Thị Y vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn như nội dung trong đơn khởi kiện và bản tự khai bà đã trình bày.

Ý kiến của đại diện viện kiểm sát tại tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa đều tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Khoản 1 Điều 56, Điều 19, Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 BLTTDS và điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016

- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn

- Về con chung: Các con đã thành niên không yêu cầu Toà giải quyết.
- Tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về án phí: Nguyên đơn được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Tố tụng: Bị đơn có địa chỉ tại Bản Co H, xã N, tỉnh Đ do vậy vụ án xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1- Điện Biên theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39/BLTTDS.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án nhân dân khu vực 1- Điện Biên đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 177/BLTTDS, việc ông Lường Văn Y không thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70,72/BLTTDS là do ông Yêu đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình, cho nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227/BLTTDS, HĐXX vẫn tiến hành xét xử.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: bà Lò Thị Y và ông Lường Văn Y có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, tỉnh Đ. Do vậy hôn nhân giữa hai người là hợp pháp.

Theo lời khai của bà Y cho thấy: Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn giữa bà Y và ông Y ngày càng trầm trọng mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành nguyên nhân chủ yếu do ông Y không tu chí làm ăn bị bạn bè rủ rê xa vào tệ nạn bị nghiện chất ma tuý và còn bạo hành bà Yên rất nhiều lần, tổ hoà giải thôn bản đã hoà giải nhưng không thành.

Hai ông bà đã sống ly thân từ năm 2025 cho đến nay. Bản thân bà Y thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, và đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Y.

Đối với bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án không có ý kiến phản hồi bằng văn bản cho Toà về yêu cầu khởi của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của bà Y và giải thoát cho bà thoát khỏi tình trạng hiện tại khi mà hôn nhân không còn đem lại hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vì mục đích của hôn nhân không đạt được. Hai ông bà không dành thời gian chung sống chăm sóc giúp đỡ nhau, theo Điều 19 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Nhưng hai ông bà không muốn thực hiện quyền và nghĩa vụ qui định tại điều luật này do hai ông bà xảy ra mâu thuẫn thường xuyên, trầm trọng. Bản thân ông Y không có ý định hàn gắn tình cảm, không chịu sửa chữa lỗi lầm như vậy không thể đảm bảo hạnh phúc gia đình cho bà Y. Áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân gia

đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà Lò Thị Y xử cho ly hôn bà Lò Thị Y và ông Lường Văn Y.

[3]. Về con chung: Các cháu đã trưởng thành và có khả năng lao động, không yêu cầu tòa án giải quyết. HĐXX chấp nhận.

[4]. Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; Nợ phải trả, nợ lấy về: không yêu cầu tòa án giải quyết.

[5]. Về án phí: Bà Y là dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng kinh tế đặc biệt khó khăn của xã thuộc diện miễn án phí và có đơn xin miễn án phí. Áp dụng Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 bà Yên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 19,Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b, khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Lò Thị Y được ly hôn với ông Lường Văn Y

2. Về con chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

3. Về tài sản và nợ : Không yêu cầu tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS, điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án, bà Lò Thị Y được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính, hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 1 – Điện Biên;
- Các đương sự;
- THADS tỉnh Điện Biên;
- TAND tỉnh ĐB;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bạc Thị Liên